

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH KIÊN GIANG
Số: 205/2019/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
K, ngày 06 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Tú Trinh.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 104/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh T – sinh năm 1987.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 19, khu phố Xà Ngách, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện tại: Khu phố Kiên Tân, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Chí T – sinh năm 1983.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 19, khu phố Xà Ngách, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện tại: Số 545, Khu phố Xà Ngách, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Minh T và ông Nguyễn Chí T chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh

Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2009. Trong quá trình chung sống ông, bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, do mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài. Tại phiên tòa bà T và ông T đã thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của ông, bà.

Về con chung: Có 01 người con chung tên là Nguyễn Hoàng T – sinh ngày 12/11/2016. Ông, bà thỏa thuận giao cháu T cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về nợ chung: Ông, bà trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Ông, bà tự nguyện thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Minh T phải chịu số tiền án phí là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền án phí bà T phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0004360 ngày 23/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Số tiền còn thừa bà T được nhận lại là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Ông Nguyễn Chí T phải chịu số tiền án phí là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã H, huyện G;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Pho